

Câu 7: Một trong những ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô ở thực vật là

- A. tạo ra các cây con có ưu thế lai cao hơn hẳn so với cây ban đầu.
- B. tạo ra giống cây trồng mới có kiểu gen hoàn toàn khác với cây ban đầu.
- C. tạo ra các dòng thuần chủng có kiểu gen khác nhau.
- D. nhân nhanh các giống cây trồng quý hiếm, tạo ra các cây đồng nhất về kiểu gen.

Câu 8: Lưới thức ăn của một quần xã sinh vật trên cạn được mô tả như sau: Các loài cây là thức ăn của sâu đục thân, sâu hại quả, chim ăn hạt, côn trùng cánh cứng ăn vỏ cây và một số loài động vật ăn rễ cây. Chim sâu ăn côn trùng cánh cứng, sâu đục thân và sâu hại quả. Chim sâu và chim ăn hạt đều là thức ăn của chim ăn thịt cỡ lớn. Động vật ăn rễ cây là thức ăn của rắn, thú ăn thịt và chim ăn thịt cỡ lớn. Phân tích lưới thức ăn trên cho thấy:

- A. Nếu số lượng động vật ăn rễ cây bị giảm mạnh thì sự cạnh tranh giữa chim ăn thịt cỡ lớn và rắn gay gắt hơn so với sự cạnh tranh giữa rắn và thú ăn thịt.
- B. Các loài sâu đục thân, sâu hại quả, động vật ăn rễ cây và côn trùng cánh cứng có ổ sinh thái trùng nhau hoàn toàn.
- C. Chuỗi thức ăn dài nhất trong lưới thức ăn này có tối đa 4 mắt xích.
- D. Chim ăn thịt cỡ lớn có thể là bậc dinh dưỡng cấp 2, cũng có thể là bậc dinh dưỡng cấp 3.

Câu 9: Theo quan niệm của Đacuyn, nguồn nguyên liệu chủ yếu của quá trình tiến hóa là

- A. đột biến gen.
- B. đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.
- C. biến dị cá thể.
- D. đột biến số lượng nhiễm sắc thể.

Câu 10: Ở một loài động vật, xét một gen có hai alen nằm ở vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X; alen A quy định vảy đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định vảy trắng. Cho con cái vảy trắng lai với con đực vảy đỏ thuần chủng (P), thu được F₁ toàn con vảy đỏ. Cho F₁ giao phối với nhau, thu được F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 con vảy đỏ : 1 con vảy trắng, tất cả các con vảy trắng đều là con cái. Biết rằng không xảy ra đột biến, sự biểu hiện của gen không phụ thuộc vào điều kiện môi trường. Dựa vào các kết quả trên, dự đoán nào sau đây đúng?

- A. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con cái vảy trắng chiếm tỉ lệ 25%.
- B. F₂ có tỉ lệ phân li kiểu gen là 1 : 2 : 1.
- C. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con cái vảy đỏ chiếm tỉ lệ 12,5%.
- D. Nếu cho F₂ giao phối ngẫu nhiên thì ở F₃ các con đực vảy đỏ chiếm tỉ lệ 43,75%.

Câu 11: Khi nói về mối quan hệ sinh vật chủ - sinh vật kí sinh và mối quan hệ con mồi - sinh vật ăn thịt, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Sinh vật kí sinh có kích thước cơ thể nhỏ hơn sinh vật chủ.
- B. Mối quan hệ sinh vật chủ - sinh vật kí sinh là nhân tố duy nhất gây ra hiện tượng khống chế sinh học.
- C. Sinh vật ăn thịt bao giờ cũng có số lượng cá thể nhiều hơn con mồi.
- D. Sinh vật kí sinh bao giờ cũng có số lượng cá thể ít hơn sinh vật chủ.

Câu 12: Các phát biểu nào sau đây đúng với đột biến đảo đoạn nhiễm sắc thể?

- (1) Làm thay đổi trình tự phân bố gen trên nhiễm sắc thể.
- (2) Làm giảm hoặc tăng số lượng gen trên nhiễm sắc thể.
- (3) Làm thay đổi thành phần gen trong nhóm gen liên kết.
- (4) Có thể làm giảm khả năng sinh sản của thể đột biến.

- A. (2), (4).
- B. (1), (2).
- C. (2), (3).
- D. (1), (4).

Câu 13: Một quần thể thực vật lưỡng bội, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Ở thế hệ xuất phát (P) gồm 25% cây thân cao và 75% cây thân thấp. Khi (P) tự thụ phân liên tiếp qua hai thế hệ, ở F₂, cây thân cao chiếm tỉ lệ 17,5%. Theo lí thuyết, trong tổng số cây thân cao ở (P), cây thuần chủng chiếm tỉ lệ

- A. 20%.
- B. 5%.
- C. 25%.
- D. 12,5%.

Câu 14: Để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay, cần tập trung vào các biện pháp nào sau đây?

- (1) Xây dựng các nhà máy xử lí và tái chế rác thải.
- (2) Quản lí chặt chẽ các chất gây ô nhiễm môi trường.
- (3) Tăng cường khai thác rừng đầu nguồn và rừng nguyên sinh.
- (4) Giáo dục để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho mọi người.
- (5) Tăng cường khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản.

- A. (2), (3), (5).
- B. (1), (3), (5).
- C. (3), (4), (5).
- D. (1), (2), (4).

Câu 15: Giống thỏ Himalaya có bộ lông trắng muốt trên toàn thân, ngoại trừ các đầu mút của cơ thể như tai, bàn chân, đuôi và mõm có lông đen. Tại sao các tế bào của cùng một cơ thể, có cùng một kiểu gen nhưng lại biểu hiện màu lông khác nhau ở các bộ phận khác nhau của cơ thể? Đề lý giải hiện tượng này, các nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm: cạo phần lông trắng trên lưng thỏ và buộc vào đó cục nước đá; tại vị trí này lông mọc lên lại có màu đen. Từ kết quả của thí nghiệm trên, có bao nhiêu kết luận đúng trong các kết luận sau đây?

- (1) Các tế bào ở vùng thân có nhiệt độ cao hơn các tế bào ở các đầu mút cơ thể nên các gen quy định tổng hợp sắc tố melanin không được biểu hiện, do đó lông có màu trắng.
- (2) Gen quy định tổng hợp sắc tố melanin biểu hiện ở điều kiện nhiệt độ thấp nên các vùng đầu mút của cơ thể lông có màu đen.
- (3) Nhiệt độ đã ảnh hưởng đến sự biểu hiện của gen quy định tổng hợp sắc tố melanin.
- (4) Khi buộc cục nước đá vào vùng lông bị cạo, nhiệt độ giảm đột ngột làm phát sinh đột biến gen ở vùng này làm cho lông mọc lên có màu đen.

A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 16: Ở một loài động vật, xét một lôcut nằm trên nhiễm sắc thể thường có hai alen, alen A quy định thực quản bình thường trội hoàn toàn so với alen a quy định thực quản hẹp. Những con thực quản hẹp sau khi sinh ra bị chết yểu. Một quần thể ở thế hệ xuất phát (P) có thành phần kiểu gen ở giới đực và giới cái như nhau, qua ngẫu phối thu được F₁ gồm 2800 con, trong đó có 28 con thực quản hẹp. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lý thuyết, cấu trúc di truyền của quần thể ở thế hệ (P) là

A. 0,7AA : 0,3Aa. B. 0,9AA : 0,1Aa. C. 0,8AA : 0,2Aa. D. 0,6AA : 0,4Aa.

Câu 17: Ở một loài thực vật, tính trạng màu sắc hoa do một cặp gen quy định, tính trạng hình dạng quả do một cặp gen khác quy định. Cho cây hoa đỏ, quả tròn thuần chủng giao phấn với cây hoa vàng, quả bầu dục thuần chủng (P), thu được F₁ gồm 100% cây hoa đỏ, quả tròn. Cho các cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂ gồm 4 loại kiểu hình, trong đó cây hoa đỏ, quả bầu dục chiếm tỉ lệ 9%. Biết rằng trong quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái đều xảy ra hoán vị gen với tần số như nhau. Trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng với phép lai trên?

- (1) F₂ có 9 loại kiểu gen.
- (2) F₂ có 5 loại kiểu gen cùng quy định kiểu hình hoa đỏ, quả tròn.
- (3) Ở F₂, số cá thể có kiểu gen giống kiểu gen của F₁ chiếm tỉ lệ 50%.
- (4) F₁ xảy ra hoán vị gen với tần số 20%.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 18: Theo quan niệm tiến hóa hiện đại,

- A. mọi biến dị trong quần thể đều là nguyên liệu của quá trình tiến hoá.
- B. sự cách li địa lý chỉ góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hoá.
- C. các quần thể sinh vật trong tự nhiên chỉ chịu tác động của chọn lọc tự nhiên khi điều kiện sống thay đổi bất thường.
- D. những biến đổi kiểu hình của cùng một kiểu gen tương ứng với những thay đổi của ngoại cảnh đều di truyền được.

Câu 19: Khi nói về đột biến gen, các phát biểu nào sau đây đúng?

- (1) Đột biến thay thế một cặp nuclêôtit luôn dẫn đến kết thúc sớm quá trình dịch mã.
- (2) Đột biến gen tạo ra các alen mới làm phong phú vốn gen của quần thể.
- (3) Đột biến điểm là dạng đột biến gen liên quan đến một số cặp nuclêôtit.
- (4) Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính đối với thể đột biến.
- (5) Mức độ gây hại của alen đột biến phụ thuộc vào tổ hợp gen và điều kiện môi trường.

A. (3), (4), (5). B. (1), (3), (5). C. (2), (4), (5). D. (1), (2), (3).

Câu 20: Trong quá trình phát sinh sự sống trên Trái Đất, sự kiện nào sau đây không diễn ra trong giai đoạn tiến hoá hoá học?

- A. Các axit amin liên kết với nhau tạo nên các chuỗi pôlipeptit đơn giản.
- B. Các nuclêôtit liên kết với nhau tạo nên các phân tử axit nuclêic.
- C. Hình thành nên các tế bào sơ khai (tế bào nguyên thủy).
- D. Từ các chất vô cơ hình thành nên các chất hữu cơ đơn giản.

Câu 21: So với biện pháp sử dụng thuốc trừ sâu hoá học để tiêu diệt sinh vật gây hại, biện pháp sử dụng loài thiên địch có những ưu điểm nào sau đây?

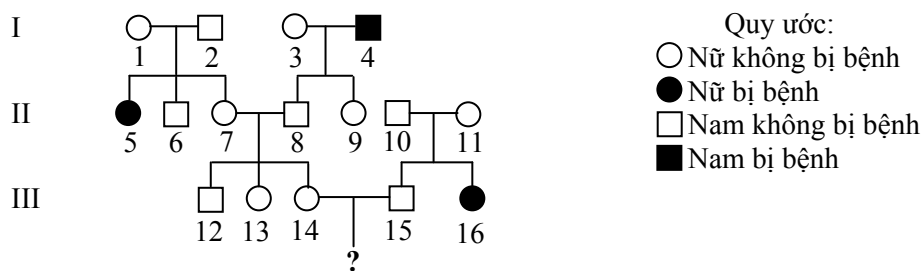
- (1) Thường không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người.
- (2) Không phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thời tiết.
- (3) Nhanh chóng dập tắt tất cả các loại dịch bệnh.
- (4) Không gây ô nhiễm môi trường.

A. (1) và (4). B. (2) và (3). C. (3) và (4). D. (1) và (2).

Câu 22: Một quần thể côn trùng sống trên loài cây M. Do quần thể phát triển mạnh, một số cá thể phát tán sang loài cây N. Những cá thể nào có sẵn các gen đột biến giúp chúng khai thác được thức ăn ở loài cây N thì sống sót và sinh sản, hình thành nên quần thể mới. Hai quần thể này sống trong cùng một khu vực địa lí nhưng ở hai ổ sinh thái khác nhau. Qua thời gian, các nhân tố tiến hóa tác động làm phân hóa vốn gen của hai quần thể tới mức làm xuất hiện cách li sinh sản và hình thành nên loài mới. Đây là ví dụ về hình thành loài mới

- A. bằng lai xa và đa bội hoá. B. bằng cách li sinh thái.
C. bằng cách li địa lí. D. bằng tự đa bội.

Câu 23: Sơ đồ phả hệ dưới đây mô tả sự di truyền của một bệnh ở người do một trong hai alen của một gen quy định.



Biết rằng không phát sinh đột biến mới ở tất cả các cá thể trong phả hệ, xác suất sinh con đầu lòng không mang alen gây bệnh của cặp vợ chồng III.14 - III.15 là

A. 3/5. B. 7/15. C. 4/9. D. 29/30.

Câu 24: Phép lai P: ♀ AaBbDd × ♂ AaBbdd. Trong quá trình giảm phân hình thành giao tử đực, ở một số tế bào, cặp nhiễm sắc thể mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I; giảm phân II diễn ra bình thường. Quá trình giảm phân hình thành giao tử cái diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, phép lai trên tạo ra F₁ có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen?

A. 42. B. 24. C. 18. D. 56.

Câu 25: Alen B dài 221 nm và có 1669 liên kết hiđrô, alen B bị đột biến thành alen b. Từ một tế bào chứa cặp gen Bb qua hai lần nguyên phân bình thường, môi trường nội bào đã cung cấp cho quá trình nhân đôi của cặp gen này 1689 nuclêôtit loại timin và 2211 nuclêôtit loại xitôzin. Dạng đột biến đã xảy ra với alen B là

- A. thay thế một cặp G - X bằng một cặp A - T. B. mất một cặp G - X.
C. thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X. D. mất một cặp A - T.

Câu 26: Theo quan niệm hiện đại, một trong những vai trò của giao phối ngẫu nhiên là

- A. quy định chiều hướng tiến hoá.
- B. làm thay đổi tần số các alen trong quần thể.
- C. tạo các alen mới làm phong phú vốn gen của quần thể.
- D. tạo biến dị tổ hợp là nguyên liệu cho quá trình tiến hoá.

Câu 27: Khi nói về quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Quần xã càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn càng đơn giản.
- B. Sinh vật trong quần xã luôn tác động lẫn nhau đồng thời tác động qua lại với môi trường.
- C. Mức độ đa dạng của quần xã được thể hiện qua số lượng các loài và số lượng cá thể của mỗi loài.
- D. Phân bố cá thể trong không gian của quần xã tùy thuộc vào nhu cầu sống của từng loài.

Câu 28: Ổ sinh vật nhân thực, nguyên tắc bổ sung giữa G - X, A - U và ngược lại được thể hiện trong cấu trúc phân tử và quá trình nào sau đây?

- (1) Phân tử ADN mạch kép. (2) Phân tử tARN.
- (3) Phân tử prôtêin. (4) Quá trình dịch mã.

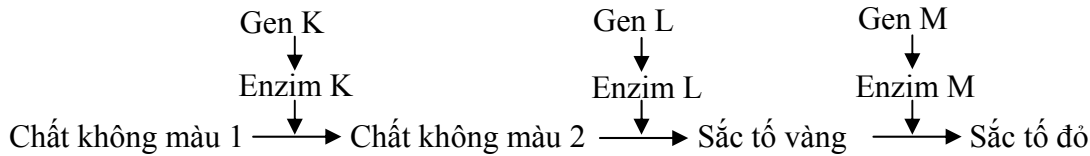
A. (3) và (4). B. (1) và (2). C. (2) và (4). D. (1) và (3).

Câu 29: Trong các phương pháp tạo giống sau đây, có bao nhiêu phương pháp có thể tạo ra giống mới mang nguồn gen của hai loài sinh vật khác nhau?

- (1) Tạo giống thuần dựa trên nguồn biến dị tổ hợp. (2) Nuôi cấy hạt phấn.
 (3) Lai tế bào sinh dưỡng tạo nên giống lai khác loài. (4) Tạo giống nhờ công nghệ gen.

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 30: Ở một loài hoa, xét ba cặp gen phân li độc lập, các gen này quy định các enzym khác nhau cùng tham gia vào một chuỗi phản ứng hoá sinh để tạo nên sắc tố ở cánh hoa theo sơ đồ sau:



Các alen lặn đột biến k, l, m đều không tạo ra được các enzym K, L và M tương ứng. Khi các sắc tố không được hình thành thì hoa có màu trắng. Cho cây hoa đỏ đồng hợp tử về cả ba cặp gen giao phấn với cây hoa trắng đồng hợp tử về ba cặp gen lặn, thu được F₁. Cho các cây F₁ giao phấn với nhau, thu được F₂. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lí thuyết, trong tổng số cây thu được ở F₂, số cây hoa trắng chiếm tỉ lệ

A. 37/64. B. 9/64. C. 7/16. D. 9/16.

Câu 31: Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật?

- (1) Khi quan hệ cạnh tranh gay gắt thì các cá thể cạnh tranh yếu có thể bị đào thải khỏi quần thể.
 (2) Quan hệ cạnh tranh xảy ra khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao, nguồn sống của môi trường không đủ cung cấp cho mọi cá thể trong quần thể.
 (3) Quan hệ cạnh tranh giúp duy trì số lượng cá thể của quần thể ở mức độ phù hợp, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể.
 (4) Quan hệ cạnh tranh làm tăng nhanh kích thước của quần thể.

A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 32: Khi nói về đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Đột biến đảo đoạn làm cho gen từ nhóm liên kết này chuyển sang nhóm liên kết khác.
 B. Đột biến chuyển đoạn có thể không làm thay đổi số lượng và thành phần gen của một nhiễm sắc thể.
 C. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể chỉ xảy ra ở nhiễm sắc thể thường mà không xảy ra ở nhiễm sắc thể giới tính.
 D. Đột biến mất đoạn không làm thay đổi số lượng gen trên nhiễm sắc thể.

Câu 33: Ở người, bệnh Q do một alen lặn nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định, alen trội tương ứng quy định không bị bệnh. Một người phụ nữ có em trai bị bệnh Q lấy một người chồng có ông nội và bà ngoại đều bị bệnh Q. Biết rằng không phát sinh đột biến mới và trong cả hai gia đình trên không còn ai khác bị bệnh này. Xác suất sinh con đầu lòng không bị bệnh Q của cặp vợ chồng này là

A. 1/3. B. 1/9. C. 3/4. D. 8/9.

Câu 34: Ở gà, alen A quy định lông vằn trội hoàn toàn so với alen a quy định lông không vằn, cặp gen này nằm ở vùng không tương đồng của nhiễm sắc thể giới tính X. Cho gà trống lông không vằn giao phối với gà mái lông vằn, thu được F₁; cho F₁ giao phối với nhau, thu được F₂. Biết rằng không xảy ra đột biến, kết luận nào sau đây đúng?

- A. Nếu cho gà mái lông vằn (P) giao phối với gà trống lông vằn F₁ thì thu được đời con gồm 25% gà trống lông vằn, 25% gà trống lông không vằn và 50% gà mái lông vằn.
 B. F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1 con lông vằn : 1 con lông không vằn.
 C. F₁ toàn gà lông vằn.
 D. F₂ có 5 loại kiểu gen.

Câu 35: Để tạo giống cây trồng có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen, người ta sử dụng phương pháp nào sau đây?

- A. Công nghệ gen.
- B. Lai khác dòng.
- C. Lai tế bào xôma khác loài.
- D. Nuôi cấy hạt phấn sau đó lưỡng bội hoá.

Câu 36: Biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, các phép lai nào sau đây đều cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3 : 3 : 1 : 1?

- A. $aaBbdd \times AaBbdd$ và $\frac{AB}{ab} \times \frac{Ab}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 12,5%.
- B. $AaBbDd \times aaBbDD$ và $\frac{AB}{ab} \times \frac{ab}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 25%.
- C. $aaBbDd \times AaBbDd$ và $\frac{Ab}{aB} \times \frac{ab}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 25%.
- D. $AabbDd \times AABbDd$ và $\frac{Ab}{aB} \times \frac{ab}{ab}$, tần số hoán vị gen bằng 12,5%.

Câu 37: Một quần thể động vật, ở thế hệ xuất phát (P) có thành phần kiểu gen ở giới cái là 0,1AA : 0,2Aa : 0,7aa; ở giới đực là 0,36AA : 0,48Aa : 0,16aa. Biết rằng quần thể không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa. Sau một thế hệ ngẫu phối thì thế hệ F_1

- A. có kiểu gen đồng hợp tử lặn chiếm tỉ lệ 28%.
- B. có kiểu gen dị hợp tử chiếm tỉ lệ 56%.
- C. đạt trạng thái cân bằng di truyền.
- D. có kiểu gen đồng hợp tử trội chiếm tỉ lệ 16%.

Câu 38: Khi nói về kích thước của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Kích thước quần thể dao động từ giá trị tối thiểu tới giá trị tối đa và sự dao động này khác nhau giữa các loài.
- B. Kích thước tối thiểu là số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển.
- C. Kích thước tối đa là giới hạn lớn nhất về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- D. Kích thước quần thể là khoảng không gian cần thiết để quần thể tồn tại và phát triển.

Câu 39: Ở một loài thực vật, cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn. Xét n gen, mỗi gen đều có hai alen, nằm trên một nhiễm sắc thể thường. Cho cây thuần chủng có kiểu hình trội về n tính trạng giao phấn với cây có kiểu hình lặn tương ứng (P), thu được F_1 . Cho F_1 tự thụ phấn, thu được F_2 . Biết rằng không xảy ra đột biến và các gen liên kết hoàn toàn. Theo lí thuyết, kết luận nào sau đây **không** đúng?

- A. F_1 dị hợp tử về n cặp gen đang xét.
- B. F_2 có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1 : 2 : 1.
- C. F_2 có số loại kiểu gen bằng số loại kiểu hình.
- D. F_2 có tỉ lệ phân li kiểu gen khác với tỉ lệ phân li kiểu hình.

Câu 40: Một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể $2n = 6$. Trên mỗi cặp nhiễm sắc thể, xét một gen có hai alen. Do đột biến, trong loài đã xuất hiện 3 dạng thể ba tương ứng với các cặp nhiễm sắc thể. Theo lí thuyết, các thể ba này có tối đa bao nhiêu loại kiểu gen về các gen đang xét?

- A. 64.
- B. 36.
- C. 144.
- D. 108.

Câu 41: Một loài thực vật giao phấn, xét một gen có hai alen, alen A quy định hoa đỏ trội không hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng, thể dị hợp về cặp gen này cho hoa hồng. Quần thể nào sau đây của loài trên đang ở trạng thái cân bằng di truyền?

- A. Quần thể gồm toàn cây hoa hồng.
- B. Quần thể gồm toàn cây hoa đỏ.
- C. Quần thể gồm cả cây hoa đỏ và cây hoa hồng.
- D. Quần thể gồm cả cây hoa đỏ và cây hoa trắng.

Câu 42: Cho biết alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Theo lí thuyết, trong các phép lai sau đây,

có bao nhiêu phép lai đều cho đời con có số cây thân cao chiếm tỉ lệ 50% và số cây hoa đỏ chiếm tỉ lệ 100%?

(1) AaBB × aaBB. (2) AaBB × aaBb. (3) AaBb × aaBb. (4) AaBb × aaBB.

(5) $\frac{AB}{aB} \times \frac{ab}{ab}$. (6) $\frac{AB}{aB} \times \frac{aB}{ab}$. (7) $\frac{AB}{ab} \times \frac{aB}{aB}$. (8) $\frac{AB}{ab} \times \frac{aB}{ab}$. (9) $\frac{Ab}{aB} \times \frac{aB}{aB}$.

A. 7.

B. 8.

C. 6.

D. 5.

Câu 43: Dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể nào sau đây có thể làm cho hai alen của một gen cùng nằm trên một nhiễm sắc thể đơn?

A. Đảo đoạn.

B. Chuyển đoạn trong một nhiễm sắc thể.

C. Lặp đoạn.

D. Mất đoạn.

Câu 44: Theo quan niệm hiện đại, chọn lọc tự nhiên

A. trực tiếp tạo ra các tổ hợp gen thích nghi trong quần thể.

B. chống lại alen lặn sẽ nhanh chóng loại bỏ hoàn toàn các alen lặn ra khỏi quần thể.

C. không tác động lên từng cá thể mà chỉ tác động lên toàn bộ quần thể.

D. vừa làm thay đổi tần số alen vừa làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 45: Ở một loài thực vật, alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Cho hai cây có kiểu hình khác nhau giao phấn với nhau, thu được F₁. Cho các cây F₁ giao phấn ngẫu nhiên, thu được F₂ gồm 56,25% cây hoa trắng và 43,75% cây hoa đỏ. Biết rằng không xảy ra đột biến, trong tổng số cây thu được ở F₂, số cây hoa đỏ dị hợp tử chiếm tỉ lệ

A. 18,75%.

B. 25%.

C. 37,5%.

D. 12,5%.

Câu 46: Một quần xã có các sinh vật sau:

(1) Tảo lục đơn bào.

(2) Cá rô.

(3) Bèo hoa dâu.

(4) Tôm.

(5) Bèo Nhật Bản.

(6) Cá mè trắng.

(7) Rau muống.

(8) Cá trắm cỏ.

Trong các sinh vật trên, những sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cấp 1 là:

A. (1), (3), (5), (7).

B. (2), (4), (5), (6).

C. (1), (2), (6), (8).

D. (3), (4), (7), (8).

Câu 47: Theo quan niệm của thuyết tiến hóa tổng hợp, phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Tiến hoá nhỏ sẽ không xảy ra nếu tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể được duy trì không đổi từ thế hệ này sang thế hệ khác.

B. Tiến hoá nhỏ là quá trình làm biến đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

C. Các yếu tố ngẫu nhiên dẫn đến làm tăng sự đa dạng di truyền của quần thể.

D. Lai xa và đa bội hóa có thể nhanh chóng tạo nên loài mới ở thực vật.

Câu 48: Ở một loài thực vật, alen A quy định lá nguyên trội hoàn toàn so với alen a quy định lá xẻ; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng. Cho cây lá nguyên, hoa đỏ giao phấn với cây lá nguyên, hoa trắng (P), thu được F₁ gồm 4 loại kiểu hình trong đó số cây lá nguyên, hoa đỏ chiếm tỉ lệ 30%. Biết rằng không xảy ra đột biến, theo lí thuyết, ở F₁ số cây lá nguyên, hoa trắng thuần chủng chiếm tỉ lệ

A. 20%.

B. 10%.

C. 50%.

D. 5%.

Câu 49: Quá trình giảm phân của một tế bào sinh tinh có kiểu gen Aa $\frac{Bd}{bD}$ không xảy ra đột biến

nhưng xảy ra hoán vị gen giữa alen D và alen d. Theo lí thuyết, các loại giao tử được tạo ra từ quá trình giảm phân của tế bào trên là:

A. \underline{ABd} , \underline{aBD} , \underline{abD} , \underline{Abd} hoặc \underline{ABd} , \underline{aBD} , \underline{AbD} , \underline{abd} .

B. \underline{ABd} , \underline{abD} , \underline{aBd} , \underline{AbD} hoặc \underline{ABd} , \underline{Abd} , \underline{aBD} , \underline{abD} .

C. \underline{ABD} , \underline{abd} , \underline{aBD} , \underline{Abd} hoặc \underline{aBd} , \underline{abd} , \underline{ABD} , \underline{AbD} .

D. \underline{ABd} , \underline{abD} , \underline{ABD} , \underline{abd} hoặc \underline{aBd} , \underline{aBD} , \underline{AbD} , \underline{Abd} .

Câu 50: Các nhân tố nào sau đây vừa làm thay đổi tần số alen vừa có thể làm phong phú vốn gen của quần thể?

A. Chọn lọc tự nhiên và giao phối không ngẫu nhiên.

B. Chọn lọc tự nhiên và các yếu tố ngẫu nhiên.

C. Đột biến và di - nhập gen.

D. Giao phối ngẫu nhiên và các cơ chế cách li.

----- HẾT -----